

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 123/2026/DS-ST

Ngày 13-3-2026

V/v “tranh chấp tiền nợ hui,
nợ vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Mến.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Mỹ Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 659/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về “tranh chấp về tiền nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Đinh Thị Phương T**, sinh năm 1984. Căn cước công dân: 082184000023.

Địa chỉ: **Số F Khu V Sông H, đường T, phường C, thành phố Cần Thơ** (Vắng mặt).

Đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Thị Mỹ O**, sinh năm 1980. Căn cước công dân: 092180014302.

Địa chỉ: **Số A đường H, phường N, thành phố Cần Thơ**.

Địa chỉ liên hệ: **Số A đường N, phường N, thành phố Cần Thơ** (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2025).

2. **Bị đơn:** Bà **Thái Thị T1**, sinh năm 1976. Căn cước công dân: 094176001716.

Địa chỉ: **Số C khu V, phường C, thành phố Cần Thơ** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Đinh Thị Phương T** trình bày: Thông qua quen biết, bà tham gia chơi 02 dây hội do bà **Thái Thị T1** làm chủ. *Dây hội thứ nhất* mở ngày 07/7/2023, giá 2.000.000 đồng/tháng, gồm 21 phần, bà tham gia 03 phần, khai hội vào ngày mùng 07 mỗi tháng 01 lần. Bà đã góp hội được tổng cộng 16 lần với số tiền 72.720.000 đồng. Tháng 12/2024 hốt hội 01 phần được 32.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền đầu thảo còn lại 31.000.000 đồng. Như vậy, 02 phần hội còn lại của dây hội này bà **T1** còn nợ 41.720.000 đồng. *Dây hội thứ hai* mở ngày 10/11/2023, giá 3.000.000 đồng/tháng, gồm 16 phần, bà tham gia 01 phần, khai hội vào ngày mùng 10, mỗi tháng 01 lần. Bà đã góp hội được tổng cộng 12 lần với số tiền 26.800.000 đồng. Tất cả những lần góp hội đều thực hiện bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của bà qua tài khoản **Ngân hàng TMCP C (V)** của bà **T1** 105875735189, đều ghi rõ nội dung góp hội theo từng kỳ.

Ngoài việc chơi hội, bà còn cho bà **T1** vay không lãi suất 200.000.000 đồng vào ngày 19/12/2023 cũng thông qua chuyển khoản ngân hàng. Sau khi vay bà **T1** không trả gốc, lãi.

Dây hội đã kết thúc nhưng bà **T1** không trả tiền hội, không trả tiền vay nên bà khởi kiện yêu cầu bà **T1** trả tiền hội 68.520.000 đồng và trả lãi 20%/năm tính từ ngày 10/10/2024 đến ngày xét xử; trả tiền vay 200.000.000 đồng và trả lãi 20%/năm tính từ ngày 17/7/2024 đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Thái Thị T1: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết kết hợp với đăng tin tại địa chỉ cư trú của bà **T1** nhưng bà vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được lời khai, ý kiến của bà về việc khởi kiện của bà **T**.

Tại phiên tòa, bà **T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tiền hội và tiền vay, không đồng ý khấu trừ 33.500.000 đồng số tiền bà **T1** có chuyển khoản lại cho bà **T**. Điều chỉnh mức tính lãi suất từ 20%/năm còn 10%/năm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tòa án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Sao kê của Ngân hàng, tin nhắn Zalo thể hiện bà **T** có tham gia chơi hội với bà **T1**, cho bà **T1** vay tiền không lãi suất. Hàng tháng bà **T** góp hội cũng như việc cho vay đều được thực hiện bằng chuyển khoản, nội dung chuyển khoản đều ghi rõ việc đóng hội theo kỳ, cho vay tiền. Riêng số tiền vay bà **T** chuyển cho bà **T1** đủ 200.000.000 đồng nhưng cũng chính Sao kê tài khoản này thể hiện bà **T1** có chuyển khoản ngược lại cho bà **T** 33.500.000 đồng nhưng phía bà **T** lại không đồng ý khấu trừ, cũng không giải thích được lý do, mục đích của việc bà **T1** chuyển tiền ngược lại cho bà **T** trong khi hai bà chỉ có quan hệ, giao dịch về hội, vay nợ với nhau. Do đó, có thể xác định rằng số tiền 33.500.000 đồng này là tiền vay gốc bà **T1** chuyển trả cho bà **T**, đề nghị Hội đồng xét xử khấu

trừ 33.500.000 đồng vào tiền vay gốc 200.000.000 đồng. Do bà **T1** vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 471 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà **T** là có cơ sở chấp nhận một phần đối với tiền vay, chấp nhận toàn bộ tiền nợ hui. Chấp nhận tính lãi 10%/năm cho bà **T** từ ngày 10/10/2024 đến ngày xét xử và đối với tiền hui và từ ngày 17/7/2024 (ngày bà **T** chuyển tiền vay cho bà **T1** lần cuối) đến ngày xét xử đối với tiền vay 166.500.000 đồng. Án phí đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả kiểm tra, đối chiếu các bản Sao kê tài khoản ngân hàng xác định bà **T**, bà **T1** tranh chấp với nhau về hợp đồng góp hui và tiền vay. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự. Bà **T1** được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với bà. Tại phiên tòa, bà **T** điều chỉnh tiền lãi từ 20% xuống còn 10% là tự nguyện, không bị ép buộc theo hướng có lợi cho bà **T1**, phù hợp quy định Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quá trình tham gia chơi hui, nghĩa vụ thanh toán tiền hui: Căn cứ vào các tập Sao kê, Sổ phụ kiêm Phiếu báo theo dõi Nợ/Có của Ngân hàng và lời trình bày của bà **T**, có cơ sở xác định bà **T** tham gia chơi hui do bà **T1** làm chủ. Trong quá trình tham gia, kết quả đối chiếu Sao kê ngân hàng thể hiện ở đây hui thứ nhất, số tiền hui mà bà **T1** đã nhận tiền hui của bà **T** 72.720.000 đồng, sau khi hót 01 phần hui 32.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền hui đầu thảo còn lại 41.720.000 đồng. Ở đây hui thứ hai, tổng số tiền hui bà **T1** đã nhận của bà **T** 26.800.000 đồng. Tất cả các lần góp hui bà **T** đều thực hiện chuyển khoản ngân hàng đến số tài khoản của bà **T1** 105875735189, đều ghi rõ nội dung chuyển khoản “*dong hui ky/ki...*” và khớp với số tiền hui mà bà **T** yêu cầu là 68.520.000 đồng. Bà **T1** trốn tránh, không hợp tác trả tiền hui cho bà **T** là vi phạm nghĩa vụ trả tiền hui được quy định tại các Điều 353, 357 Bộ luật Dân sự, các Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường nên phải trả tiền hui cho **T** 68.520.000 đồng.

[3] Về quá trình cho vay, nghĩa vụ thanh toán tiền vay: Sao kê tài khoản ngân hàng (bút lục: 12-17) thể hiện bà **T** chuyển khoản ngân hàng qua số tài khoản của bà **T1** đều có nội dung “*chuyen tien, tien muon, muon*”, không có thể hiện nội dung về thời hạn, lãi vay với tổng số tiền chuyển vay là 200.000.000 đồng. Đây là chứng cứ chứng minh bà **T1** có nhận tiền vay từ bà **T** 200.000.000 đồng nhưng cũng chính Sao kê tài khoản này cũng thể hiện ở lần chuyển tiền 3.500.000 đồng (lần 01) và 30.000.000 đồng (lần 02) cùng ngày 29/6/2024 bà **T1** có chuyển tiền cho bà **T**. Việc bà **T1** chuyển tiền cho bà **T** không ghi nội dung chuyển thì có thể là bà **T1** trả cho bà **T** tiền vay gốc hoặc tiền vay lãi. Tại phiên tòa phía bà **T** không thừa nhận bà **T1** có chuyển tiền ngược lại cho bà, không thừa nhận có nhận lãi vay thì số tiền

33.500.000 đồng này được Hội đồng xét xử xác định là tiền vay gốc bà T1 đã chuyển trả cho bà T. Sau khi khấu trừ, số tiền còn lại là 166.500.000 đồng. Bà T1 có nhận tiền vay từ bà T nhưng chỉ trả được một phần, phần còn lại chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên bà phải trả cho bà T1 166.500.000 đồng.

[4] Về lãi: Bà T yêu cầu trả lãi tiền vay, trả lãi tiền hui là có căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự và các Điều 21, 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường. Thời gian tính lãi 10% được tính từ ngày cuối cùng của chuyển khoản tiền hui ngày 10/10/2024 đến ngày 13/3/2026 trên số tiền 68.520.000 đồng là 9.725.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 78.245.000 đồng (đã làm tròn). Thời gian tính lãi 10% được tính từ ngày cuối cùng của chuyển khoản tiền vay 17/7/2024 đến ngày 13/3/2026 trên số tiền gốc 166.500.000 đồng là 27.198.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 192.698.000 đồng. Như vậy, hai khoản tiền bà T1 phải trả cho bà T là 270.943.000 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà D chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện 270.943.000 đồng là 13.547.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 6.713.000 đồng theo Biên lai số 0009214 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 188, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 353, 357, 463, 468, 471 Bộ luật Dân sự;

Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Phương T.

Buộc bà Thái Thị T1 phải trả cho bà Đinh Thị Phương T tổng số tiền nợ 270.943.000 đồng (Trong đó: Nợ hui, gốc 68.520.000 đồng và lãi 9.725.000 đồng; Nợ vay gốc 166.500.000 đồng và lãi 27.198.000 đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà T1 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bà Thái Thị T1 phải chịu 13.547.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 6.713.000 đồng theo Biên lai số 0009214 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- VKSND KV3-Cần Thơ;
- THADS Tp. Cần Thơ;
- P. THADS KV3-Cần Thơ
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Mẫn